

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-22



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000202 ngày 29 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 3700683163 (số đăng ký kinh doanh cũ 4603000202) thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã được Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp giấy chứng nhận đầu tư số 46221000178 ngày 07 tháng 6 năm 2007 với dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO (giai đoạn 1).

Công ty có trụ sở chính được đặt tại đường NA6, khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chi nhánh được đặt tại đường ĐT743, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Công ty có 96 địa điểm kinh doanh là các hiệu thuốc và trung tâm dược phẩm, mỹ phẩm được đặt tại tỉnh Bình Dương.

2. Hoạt động chính

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.

3. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

Ông	Phạm Ngọc Thuận	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Chủ tịch
Ông	Đoàn Văn Thuận	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà	Phạm Thị Khanh	Tổng Giám đốc	được bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2010
Bà	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm từ ngày 01 tháng 6 năm 2010
Ông	Lê Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	được bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2010
Bà	Nguyễn Thị Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	nghỉ hưu
Ông	Lê Trung Hiếu	Kế toán trưởng	

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

00448

CÔNG TY
NHIỆM VỤ
BDO
TỈNH NA
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

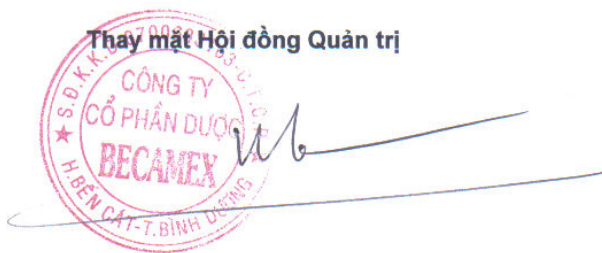
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'M. H.', is written over a red circular stamp. The stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX' and 'H. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG'.

Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2011





Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower, 2/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số : 00030HCM/210.10

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Dược Becamex (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi chúng tôi không có điều kiện tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, do tại thời điểm này Công ty không tổ chức kiểm kê. Với tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để kiểm tra tính hiện hữu và chính xác cũng như tình trạng của hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Dược Becamex, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0428/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.915.022.616	27.484.273.106
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	1.857.648.995	1.215.122.395
Tiền	111		1.857.648.995	1.215.122.395
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		30.001.450.915	11.553.114.543
Phải thu khách hàng	131	4.2	24.423.636.862	9.547.768.611
Trả trước cho người bán	132	4.3	4.159.214.968	607.519.575
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.418.599.085	1.397.826.357
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.5	18.044.171.711	14.031.834.818
Hàng tồn kho	141		18.044.171.711	14.031.834.818
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.011.750.995	684.201.350
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		170.512.306	146.271.569
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	117.421.916
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		12.143.865	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	829.094.824	420.507.865



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.547.073.644	59.473.155.481
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		69.328.970.734	58.052.506.579
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	62.677.967.431	49.014.826.986
Nguyên giá	222		70.823.706.451	52.864.840.836
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.145.739.020)	(3.850.013.850)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	6.651.003.303	6.863.326.045
Nguyên giá	228		6.934.222.500	6.934.222.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(283.219.197)	(70.896.455)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.9	-	2.174.353.548
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.218.102.910	1.420.648.902
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	1.218.102.910	1.420.648.902
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.462.096.260	86.957.428.587

3300
CÔNG
CHÍNH
BI
IẾT
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		70.722.166.634	38.428.703.472
Nợ ngắn hạn	310		55.904.791.715	20.553.274.132
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	24.267.369.814	6.000.000.000
Phải trả cho người bán	312	4.12	26.676.841.875	11.137.492.966
Người mua trả tiền trước	313		28.338.592	3.698.083
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	1.222.328.783	312.648.345
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		-	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	3.670.520.255	3.043.806.977
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	39.392.396	55.627.761
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		14.817.374.919	17.875.429.340
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		342.000.000	380.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	4.16	14.475.374.919	17.475.374.919
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	20.054.421
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.739.929.626	48.528.725.115
Vốn chủ sở hữu	410	4.17	50.739.929.626	48.528.725.115
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.400.000.000	40.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.937.900.000	4.937.900.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(196.000.000)	(196.000.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.707.778.476	2.707.778.476
Quỹ dự phòng tài chính	418		408.449.083	408.449.083
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.481.802.067	270.597.556
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.462.096.260	86.957.428.587

1489
G T)
EM HỮU
DO
NAM
HỒ C)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

[Handwritten signature]



LÊ TRUNG HIẾU
 Kế toán trưởng

PHẠM THỊ KHANH
 Tổng Giám đốc
 Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2011



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		70.517.057.816	86.966.278.084
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		515.351.723	237.672.806
Doanh thu thuần	10	5.1	70.001.706.093	86.728.605.278
Giá vốn hàng bán	11	5.2	55.946.230.504	79.503.524.457
Lợi nhuận gộp	20		14.055.475.589	7.225.080.821
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	116.926.353	494.126.785
Chi phí tài chính	22	5.4	2.922.875.528	250.240.059
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.803.130.256	163.337.740
Chi phí bán hàng	24	5.5	2.773.186.125	2.872.022.613
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.961.679.400	4.618.328.424
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.514.660.889	(21.383.490)
Thu nhập khác	31	5.7	633.366.851	768.304.418
Chi phí khác	32		22.000	11.398.796
Lợi nhuận khác	40		633.344.851	756.905.622
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.148.005.740	735.522.132
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	484.419.626	312.648.345
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.663.586.114	422.873.787
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	663	105



LÊ TRUNG HIẾU
Kế toán trưởng




PHẠM THỊ KHANH
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.148.005.740	735.522.132
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.508.047.912	833.857.224
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41.356.493)	(411.375.799)
Chi phí lãi vay	06	2.803.130.256	163.337.740
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	10.417.827.415	1.321.341.297
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(18.681.113.901)	431.982.593
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(4.012.336.893)	(1.675.028.385)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.658.030.443	(1.529.128.200)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	178.305.255	(721.673.974)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.803.130.256)	(2.328.780.235)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.389.900.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.929.048.347)	(1.496.010.187)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.781.566.284)	(5.997.297.091)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(884.633.423)	(2.728.542.313)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	51.787.814
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.356.493	411.375.799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(843.276.930)	(2.265.378.700)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17.791.991.471	858.028.888
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.524.621.657)	(1.200.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.267.369.814	(341.971.112)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	642.526.600	(8.604.646.903)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60	1.215.122.395	9.819.769.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	1.857.648.995	1.215.122.395


LÊ TRUNG HIẾU
Kế toán trưởng



PHẠM THỊ KHANH
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Dược Becamex ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000202 ngày 29 tháng 12 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 3700683163 (số đăng ký kinh doanh cũ 4603000202) thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại đường NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chi nhánh được đặt tại đường ĐT743, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Công ty có 96 địa điểm kinh doanh là các hiệu thuốc và trung tâm dược phẩm, mỹ phẩm được đặt tại tỉnh Bình Dương.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề của Công ty là :

- Sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế;
- Mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm, hoá chất, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trong năm 2010, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán dược phẩm.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên của Công ty là 213 người (năm 2009 : 203 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

D.03
C
RÁCH
VIỆT
T

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong tháng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

0044

ÔNG
NHIỆM
BDC
T N

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định khác	3 – 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng, trong đó:

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng	40 năm (kể từ năm 2010, là năm nhà máy đi vào sản xuất chính thức)
Phần mềm phục vụ nghiên cứu sản xuất	3 năm
Phần mềm quản lý B4U	8 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo kho được được phân bổ trong 36 tháng.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

8995
TY
HỮU HA
M
CHÍ M

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất phổ thông là 25%.

Do là cơ sở kinh doanh di chuyển đến khu công nghiệp thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN trong 2 năm (năm 2008 và năm 2009) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 6 năm tiếp theo.

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	230 Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông tỉnh Bình Dương	01 Lê Thị Trung Phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	cùng tập đoàn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt tồn quỹ	599.384.784	587.366.056
Tiền gửi ngân hàng	1.258.264.211	627.756.339
	1.857.648.995	1.215.122.395

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu thương mại - bên liên quan	18.329.039.501	-
Phải thu thương mại - bên thứ ba	6.094.597.361	9.547.768.611
	24.423.636.862	9.547.768.611

4.3 Các khoản trả trước người bán

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trả trước người bán - bên liên quan	4.000.000.000	-
Trả trước người bán - bên thứ ba	159.214.968	607.519.575
	4.159.214.968	607.519.575

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	20.805.381	-
Công ty mẹ hỗ trợ chi phí lãi vay	1.353.900.744	1.353.900.744
Công ty mẹ hỗ trợ trợ cấp mất việc làm	43.892.960	43.925.613
	1.418.599.085	1.397.826.357

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.709.521.854	3.174.959.406
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	873.350.963	932.897.099
Thành phẩm	3.580.244.400	447.915.568
Hàng hóa	2.661.557.342	3.857.502.762
Hàng tồn kho tại các quầy thuốc của Công ty	5.219.497.152	5.618.559.983
Cộng giá gốc hàng tồn kho	18.044.171.711	14.031.834.818

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng nhân viên	540.324.518	202.268.938
Ký quỹ ngắn hạn	288.770.306	218.238.927
	829.094.824	420.507.865



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2010	33.399.873.873	15.699.374.001	2.470.143.888	466.221.386	829.227.688	52.864.840.836
Tăng trong năm	2.808.701.821	15.150.163.794	-	-	-	17.958.865.615
Vào ngày 31/12/2010	36.208.575.694	30.849.537.795	2.470.143.888	466.221.386	829.227.688	70.823.706.451
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2010	638.864.813	2.113.914.363	710.581.749	259.925.371	126.727.554	3.850.013.850
Khấu hao trong năm	1.212.383.921	2.589.538.144	317.079.264	63.673.064	113.050.777	4.295.725.170
Vào ngày 31/12/2010	1.851.248.734	4.703.452.507	1.027.661.013	323.598.435	239.778.331	8.145.739.020
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2010	32.761.009.060	13.585.459.638	1.759.562.139	206.296.015	702.500.134	49.014.826.986
Vào ngày 31/12/2010	34.357.326.960	26.146.085.288	1.442.482.875	142.622.951	589.449.357	62.677.967.431

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.671.478.493 VND.

Giá trị còn lại các tài sản cố định thế chấp tại Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2011/HĐTCTS ngày 22 tháng 02 năm 2011 là 39.605.557.457 VND.

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng VND	Phần mềm quản lý sản xuất VND	Phần mềm quản lý B4U VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2010	6.615.131.600	39.090.900	280.000.000	6.934.222.500
Vào ngày 31/12/2010	6.615.131.600	39.090.900	280.000.000	6.934.222.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2010	-	27.146.450	43.750.005	70.896.455
Khấu hao trong năm	165.378.288	11.944.450	35.000.004	212.322.742
Vào ngày 31/12/2010	165.378.288	39.090.900	78.750.009	283.219.197
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2010	6.615.131.600	11.944.450	236.249.995	6.863.326.045
Vào ngày 31/12/2010	6.449.753.312	-	201.249.991	6.651.003.303

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ trong năm VND	Số cuối năm VND
Công trình xây dựng nhà xưởng thuộc dự án "xây dựng nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO"	2.174.353.548	634.348.273	2.808.701.821	-
	2.174.353.548	634.348.273	2.808.701.821	-

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ, dụng cụ	917.838.757	1.304.006.000
Chi phí đào tạo	37.037.036	66.666.664
Chi phí cải tạo kho dược	234.656.244	-
Các chi phí khác	28.570.873	49.976.238
	1.218.102.910	1.420.648.902

4.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	16.867.369.814	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 4.16)	7.400.000.000	6.000.000.000
	24.267.369.814	6.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm :

Đơn vị cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo	Số dư 31/12/2010
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	11 tháng	8,5% / năm	Xe ô tô Inova 7 chỗ và xe ô tô 29 chỗ	812.463.750
Ngân hàng TMCP Hàng Hải, Chi nhánh Bình Dương	đến 21 tháng 6 năm 2011	14,5% đến 20%/năm	Bảo lãnh bằng số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mẹ	16.054.906.064
				16.867.369.814

4.12 Phải trả người bán

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả nhà cung cấp - bên liên quan	16.544.034.199	10.913.546.966
Phải trả nhà cung cấp - bên thứ ba	10.132.807.676	223.946.000
	26.676.841.875	11.137.492.966



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	425.260.812	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	797.067.971	312.648.345
	<u>1.222.328.783</u>	<u>312.648.345</u>

4.14 Phải trả khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	192.870.972	642.597.345
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	-	8.549.490
Bảo hiểm y tế	2.502.588	-
Cổ tức phải trả	2.060.400.000	2.060.400.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.414.746.695	332.260.142
	<u>3.670.520.255</u>	<u>3.043.806.977</u>

4.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	55.627.761	-
Tăng do trích từ lợi nhuận	340.444.292	337.806.934
Tăng khác	500.000	-
Sử dụng trong năm	(357.179.657)	(282.179.173)
Số dư cuối năm	<u>39.392.396</u>	<u>55.627.761</u>

4.16 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn	21.875.374.919	23.475.374.919
(trừ) vay dài hạn đến hạn trả	(7.400.000.000)	(6.000.000.000)
	<u>14.475.374.919</u>	<u>17.475.374.919</u>

Khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bình Dương, theo hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển số 02/2008/HĐTD ngày 12 tháng 3 năm 2008, với chi tiết:

- Tổng số tiền được vay: 25 tỷ VND.
- Thực tế giải ngân : 24.675.374.919 VND
- Thời hạn vay: 5 năm với thời gian ân hạn là 1 năm.
- Lãi suất trong hạn: 10,2%/năm.
- Mục đích: đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị sản xuất và kiểm nghiệm cho dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO (giai đoạn 1)".
- Đảm bảo tiền vay: các tài sản hình thành từ dự án, với tổng trị giá là 42.191.841.982 VND, bao gồm nhà văn phòng, xưởng, các công trình xây dựng cơ bản phụ, các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, các máy móc thiết bị kiểm nghiệm.
- Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 là 7.400.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
4.17 Vốn chủ sở hữu							
4.17.1 Vốn chủ sở hữu ("CSH")							
Số dư đầu năm trước (01/01/2009)	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	1.856.768.889	162.547.950	2.496.272.437	49.657.489.276
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	422.873.787	422.873.787
Trích lập quỹ	-	-	-	1.912.564.370	245.901.133	(2.158.465.503)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(337.806.934)	(337.806.934)
Chi quỹ	-	-	-	(1.061.554.783)	-	-	(1.061.554.783)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(152.276.231)	(152.276.231)
Số dư cuối năm trước (31/12/2009)	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	270.597.556	48.528.725.115
Số dư đầu năm nay (01/01/2010)	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	270.597.556	48.528.725.115
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	2.663.586.114	2.663.586.114
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(340.444.292)	(340.444.292)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(111.937.311)	(111.937.311)
Số dư cuối năm nay (31/12/2010)	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.481.802.067	50.739.929.626



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

4.17.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 3700683163 thay đổi lại lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2010 (số đăng ký kinh doanh cũ 4603000202) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty là 40.400.000.000 VND được chia thành 4.040.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Chi tiết các khoản vốn góp đến 31 tháng 12 năm 2010:

Cổ đông	Vốn góp VND	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	20.604.000.000	2.060.400	51 %
Cổ đông khác	19.796.000.000	1.979.600	49 %
	40.400.000.000	4.040.000	100 %

4.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2010 VND	2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	40.400.000.000	40.400.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40.400.000.000	40.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.17.4 Cổ phiếu

	31/12/2010 cổ phiếu	01/01/2010 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.040.000	4.040.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	4.040.000	4.040.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	(19.600)	(19.600)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	4.020.400	4.020.400

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2010 VND	2009 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hoá	39.296.807.952	76.935.198.049
Doanh thu bán thành phẩm	30.992.826.141	7.151.764.728
Doanh thu dịch vụ	227.423.723	2.879.315.307
	70.517.057.816	86.966.278.084
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(515.351.723)	(237.672.806)
Doanh thu thuần	70.001.706.093	86.728.605.278

33004
CÔNG
CHÍNH
BD
IET I
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.2 Giá vốn hàng bán

	2010 VND	2009 VND
Giá vốn hàng hoá	34.697.361.106	73.480.581.294
Giá vốn thành phẩm	21.248.869.398	6.022.943.163
	55.946.230.504	79.503.524.457

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VND	2009 VND
Lãi tiền gửi	28.363.099	465.877.075
Lãi trái phiếu chính phủ	-	17.850.000
Lãi tiền ký quỹ	12.993.394	9.960.681
Lãi chênh lệch tỷ giá	75.569.860	439.029
	116.926.353	494.126.785

5.4 Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	2.803.130.256	163.337.740
Lỗ chênh lệch tỷ giá	119.745.272	86.902.319
	2.922.875.528	250.240.059

5.5 Chi phí bán hàng

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên	1.635.042.843	2.057.371.016
Chi phí vật liệu, bao bì	-	7.721.575
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.805.989	55.802.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	225.690.114	82.515.556
Chi phí khác	906.647.179	668.612.447
	2.773.186.125	2.872.022.613

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nhân viên	2.163.254.042	1.999.118.175
Chi phí ăn giữa ca	239.394.422	179.216.293
Chi phí đồ dùng văn phòng	896.050.692	78.963.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.519.519	382.876.202
Chi phí bảo vệ	143.418.180	128.600.001
Phí xử lý nước thải	41.652.210	24.581.987
Chi phí khác	1.740.390.335	1.824.972.533
	5.961.679.400	4.618.328.424

4899
 3 TY
 NHỮNG
 O
 NAM
 5 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

5.7 Thu nhập khác

	2010 VND	2009 VND
Nhận khuyến mãi bằng tiền, hàng	185.364.711	116.864.903
Chiết khấu nhận được	249.795.444	433.376.966
Thu nhập khác	198.206.696	218.062.549
	633.366.851	768.304.418

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập tính thuế trong năm	3.148.005.740	1.250.593.378
Trong đó :		
Thu nhập theo thuế suất 12,5% (25%x50%)	2.420.654.478	-
Thu nhập theo thuế suất phổ thông 25%	727.351.262	1.250.593.378
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- theo thuế suất TNDN 12,5%	302.581.810	-
- theo thuế suất TNDN phổ thông 25%	181.837.816	312.648.345
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	484.419.626	312.648.345

5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		2010	2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	2.663.586.114	422.873.787
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND	2.663.586.114	422.873.787
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	CP	4.020.400	4.020.400
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	VND/CP	663	105

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	Bán hàng	18.329.039.501
	Mua máy móc thiết bị y tế	15.622.305.099
	Ứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khu dân cư	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông tỉnh Bình Dương	Xây dựng cơ bản	697.783.100



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

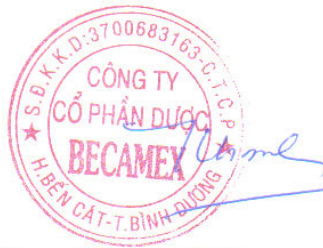
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTV	- Bán hàng - Ứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khu dân cư - Hỗ trợ chi phí lãi tiền vay dài hạn năm 2009 - Hỗ trợ quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm - Cung cấp máy móc thiết bị y tế	18.329.039.501 4.000.000.000 1.353.900.744 43.892.960 (15.622.305.099)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông tỉnh Bình Dương	- Xây dựng cơ bản	(921.729.100)

6.2 Các cam kết

Trong tháng 12 năm 2010, Công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Công nghiệp TNHH MTV (Becamex IDC Corp.) nhận chuyển nhượng các lô đất thuộc khu dân cư ấp 5C Thới Hoà, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị hợp đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 116.115.615.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã ứng trước 4 tỷ VND cho các hợp đồng này.



LÊ TRUNG HIẾU
Kế toán trưởng



PHẠM THỊ KHANH
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2011